

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101971512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09 tháng 11 năm 2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CNC CAPITAL VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: CNC CAPITAL VIET NAM.,JSC

Trụ sở chính của Công ty tại A28, BT6, khu đô thị Mỹ Đình 2, đường Trần Văn Cẩn, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Công ty đang niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là KSQ theo công văn số 0911/2018/CV-KSQ về việc công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Cương	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Việt Thông	Thành viên
Ông Phạm Văn Chính	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 26/04/2019
Ông Triệu Văn Hợi	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 26/04/2019

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Hòe	Trưởng Ban
Bà Lê Hồng Ngọc	Thành viên
Bà Đặng Thị Tâm	Thành viên

Ban giám đốc

Ông Nguyễn Việt Thông	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hoa	Miễn nhiệm ngày 03/05/2019
Bà Nguyễn Thu Huyền	Bổ nhiệm ngày 03/05/2019

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty trong kỳ cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu, kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,



Nguyễn Công Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Số: 567/2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2019, từ trang 06 đến trang 20, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		390.565.838	305.128.935.936
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	351.773.815	26.360.845
1. Tiền	111		351.773.815	26.360.845
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		-	305.051.339.443
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	-	6.589.687.161
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	55.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.03	-	298.400.000.000
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	6.652.282
III. Hàng tồn kho	140		-	17.628.180
1. Hàng tồn kho	141	5.04	-	17.628.180
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.792.023	33.607.468
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.05	20.957.456	29.340.446
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.834.567	4.267.022
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		318.154.840.000	24.800.000.000
I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.06	318.154.840.000	24.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		318.154.840.000	24.800.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		318.545.405.838	329.928.935.936

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		5.925.092.755	16.984.717.645
I. Nợ ngắn hạn	310		5.925.092.755	16.984.717.645
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		55.000.000	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.07	1.500.671.538	1.500.671.538
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.08	2.644.433.058	2.744.433.058
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.09	16.463.110	1.088.000
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	1.292.250.000	12.322.250.000
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		416.275.049	416.275.049
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		312.620.313.083	312.944.218.291
II. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	312.620.313.083	312.944.218.291
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411b		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(148.500.000)	(148.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.248.825.147	1.248.825.147
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.519.987.936	11.843.893.144
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.997.838.848	7.997.838.848
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.522.149.088	3.846.054.296
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		318.545.405.838	329.928.935.936

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

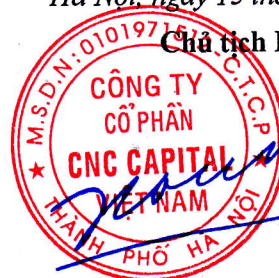
Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Huyen

Huyen



Nguyễn Thu Huyền

Nguyễn Thu Huyền

Nguyễn Công Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.01	3.600	5.989
7. Chi phí tài chính	22	6.02	17.926.452	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.03	288.354.176	502.550.817
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(306.277.028)	(502.544.828)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		17.628.180	8.239.170
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.04	(17.628.180)	(8.239.170)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(323.905.208)	(510.783.998)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(323.905.208)	(510.783.998)
18. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	70	6.05	(11)	(17)

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Thu Huyền

Nguyễn Thu Huyền



Nguyễn Thu Huyền

Nguyễn Thu Huyền

Nguyễn Công Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
		tháng kết thúc ngày 30/06/2019	tháng kết thúc ngày 30/06/2018
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	6.589.687.161	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(58.843.000)	(91.000.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(126.882.762)	(298.280.453)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	-
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(75.785.577)	(269.050.144)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	6.328.175.822	(658.330.597)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(59.772.766.452)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	53.770.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.600	5.989
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(6.002.762.852)	5.989
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	70.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(70.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	325.412.970	(658.324.608)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	26.360.845	2.925.394.086
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	351.773.815	2.267.069.478

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Huyen

Huyen



Nguyễn Thu Huyền

Nguyễn Thu Huyền

Nguyễn Công Cường

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101971512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09 tháng 11 năm 2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CNC CAPITAL VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: CNC CAPITAL VIET NAM.,JSC

Trụ sở chính của Công ty: A28, BT6, khu đô thị Mỹ Đình 2, đường Trần Văn Cẩn, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty đang niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là KSQ

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam là 300.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng kinh doanh (Chính)
- Sản xuất gang thép;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Khai thác khí đốt tự nhiên;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: Bán buôn thiết bị nhiệt, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị cấp nước, thiết bị phụ tùng ô tô, xe máy, máy dân dụng và máy móc các loại, thiết bị văn phòng, đồ mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, trang thiết bị y tế, thiết bị phòng cháy, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học; bán buôn thiết bị, máy móc công nghiệp; điện tử viễn thông, vi tính – tin học; mua bán thiết bị trường học; mua bán các trang thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; mua bán thang máy; mua bán hệ thống tủ điện công nghiệp, dân dụng; mua bán hệ thống âm thanh ánh sáng, truyền hình, tổng đài; mua bán hệ thống điều hòa thông gió; mua bán hệ thống bếp; giặt là công nghiệp; mua bán hệ thống Sauna, Steam; mua bán hệ thống khí y tế, khí công nghiệp; bán buôn máy móc thiết bị y tế;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả của Công ty là chi phí trích trước lãi tiền vay ngân hàng phát sinh trong kỳ chưa thực hiện chi trả.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các thành viên góp vốn.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi tiền gửi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	300.462.786	1.662.648
Tiền gửi ngân hàng	51.311.029	24.698.197
Cộng	<u>351.773.815</u>	<u>26.360.845</u>

5.02 Phải thu khách hàng

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty CP PIV	-	3.235.144.000
Công ty TNHH Lâm Nam	-	3.246.603.161
Phải thu khách hàng khác	-	107.940.000
Cộng	<u>-</u>	<u>6.589.687.161</u>

5.03 Phải thu ngắn hạn khác

	<u>30/06/2019 (VND)</u>		<u>01/01/2019 (VND)</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Xây dựng Việt Phát (i)	-	-	40.000.000.000	-
Ông Ngô Tiến Cường	-	-	97.920.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	-	-	160.480.000.000	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>298.400.000.000</u>	<u>-</u>

(i) Ngày 22/05/2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết số 2205-1/2019/NQ-HĐQT về việc thu hồi toàn bộ khoản vốn đầu tư vào dự án cửa nhựa lõi thép tại Công ty TNHH Xây dựng Việt Phát số tiền 40.000.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền nói trên đã được thu hồi toàn bộ trong tháng 6/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.04 Hàng tồn kho

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	-	-	17.628.180	-
Cộng	-	-	17.628.180	-

5.05 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ dụng cụ phân bổ dần	20.957.456	29.340.446
Cộng	20.957.456	29.340.446

5.06 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (*)	318.154.840.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát (**)	-	-	24.800.000.000	-
Cộng	318.154.840.000	-	24.800.000.000	-

(*) Căn cứ nghị quyết hội đồng quản trị số 2205-1/2019/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 05 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam về việc mua cổ phần Công ty BOT Cầu Thái Hà. Theo đó, nguồn tiền dùng để mua cổ phần của Công ty BOT Cầu Thái Hà bao gồm toàn bộ số tiền thu hồi từ các khoản đầu tư trước đó của Công ty, bao gồm khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát, Công ty TNHH Xây dựng Việt Phát và các khoản công nợ thu hồi.

(**) Căn cứ nghị quyết hội đồng quản trị số 2205-1/2019/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 05 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam về việc thu hồi toàn bộ các khoản đầu tư trong đó có khoản góp vốn tại Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát số tiền 24.800.000.000 đồng. Công ty CNC Capital Việt Nam chuyển nhượng giá trị vốn góp tại Công ty Toàn Phát số tiền 11.030.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn Tinh theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 1006/2019/CNTP-NVT, số tiền chuyển nhượng trên được căn trừ theo biên bản đối trừ công nợ giữa cá nhân ông Nguyễn Văn Tinh và Công ty Công ty CNC Capital Việt Nam. Giá trị vốn góp còn lại tại Công ty TNHH Toàn Phát số tiền 13.770.000.000 đồng được Công ty chuyển nhượng cho ông Vũ Minh Tuấn, theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 1206/2019/CNCP/CNC-VMT. Số tiền chuyển nhượng nói trên đã được thu hồi trong tháng 6/2019.

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư tại ngày 30/06/2019

	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng Cổ phần
Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (i)	21,81%	21,81%	8.724.600

(i) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà số 1001/2019/HĐCNCP/CN-CNC ngày 10/01/2019 giữa bà Nguyễn Thị Lan Hương và Công ty Cổ phần CNC Capital, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 4.200.000 cổ phần, giá bán 34.000 đồng/Cổ phần, tổng giá trị cổ phần chuyển nhượng là 142.800.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà số 0801/2019/HĐCNCP/CN-CNC ngày 08/01/2019 giữa ông Ngô Tiến Cường và Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam, số lượng cổ phần chuyển nhượng 3.400.000 cổ phần, giá bán 34.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị cổ phần chuyển nhượng là 115.600.000.000 đồng. Ngoài ra trong tháng 6/2019, Công ty CNC Capital thực hiện mua thêm 1.124.600 cổ phần của Công ty BOT Cầu Thái Hà theo hình thức giao dịch khớp lệnh. Tại ngày phát hành báo cáo này, mệnh giá cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà đang được giao dịch trên sàn Upcom là 56.600 đồng/Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.07 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	30/06/2019 VND
Phải nộp	1.500.671.538	-	-	1.500.671.538
Thuế giá trị gia tăng	1.322.376.900	-	-	1.322.376.900
Thuế TNDN	92.204.638	-	-	92.204.638
Thuế thu nhập cá nhân	86.090.000	-	-	86.090.000
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-

5.08 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Lãi vay phải trả	994.758.357	994.758.357
Chi phí phải trả khác	1.649.674.701	1.749.674.701
<i>Phải trả phí kiểm toán</i>	-	100.000.000
<i>Tiền phạt chậm nộp thuế</i>	1.018.393.876	1.018.393.876
<i>Chi phí phải trả khác</i>	631.280.825	631.280.825
Cộng	2.644.433.058	2.744.433.058

5.09 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Bảo hiểm xã hội	11.103.798	-
Bảo hiểm y tế	2.894.600	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.376.712	-
Phải trả, phải nộp khác	1.088.000	1.088.000
Cộng	16.463.110	1.088.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kể từ ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.10 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	01/01/2019 (VND)		Phát sinh trong kỳ (VND)		30/06/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay cá nhân						
Nguyễn Văn Tinh	11.030.000.000	11.030.000.000	-	11.030.000.000	-	-
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình (*)	1.292.250.000	1.292.250.000	-	-	1.292.250.000	1.292.250.000
Cộng	12.322.250.000	12.322.250.000	-	11.030.000.000	1.292.250.000	1.292.250.000

(*) Hợp đồng tín dụng số 317.13.833.938942 ngày 07/06/2013 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Mỹ Đình và Công ty đã quá hạn. Công ty và Ngân hàng đang làm việc để giải quyết khoản nợ này.

5.11 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu

	Đơn vị: VND				
	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2018	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	7.997.838.848	309.098.163.995
Tăng trong năm	-	-	-	3.846.054.296	3.846.054.296
Lãi trong năm	-	-	-	3.846.054.296	3.846.054.296
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	11.843.893.144	312.944.218.291
Số dư tại 01/01/2019	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	11.843.893.144	312.944.218.291
Tăng trong kỳ	-	-	-	(323.905.208)	(323.905.208)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	(323.905.208)	(323.905.208)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2019	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	11.519.987.936	312.620.313.083

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	30/06/2019 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2019 VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của các cổ đông	300.000.000.000	100	300.000.000.000	100
Cộng	300.000.000.000	100	300.000.000.000	100

c. Các giao dịch về Vốn chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000
Vốn góp tại đầu kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
Chia cổ tức, phân phối lợi nhuận, trích quỹ	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.01 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi	3.600	5.989
Cộng	3.600	5.989

6.02 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí mua cổ phiếu BOT Cầu Thái Hà	17.926.452	-
Cộng	17.926.452	-

6.03 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	160.693.144	342.962.407
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.000.000	-
Thuế, phí, lệ phí	5.055.577	3.612.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.605.455	155.975.710
Chi phí khác bằng tiền	60.000.000	-
Cộng	288.354.176	502.550.817

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.04 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	17.628.180	8.239.170
Chi phí hao hụt hàng hóa	17.628.180	-
Chi phí khác	-	8.239.170
Lợi nhuận khác	(17.628.180)	(8.239.170)

6.05 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lợi nhuận sau Thuế TNDN	(323.905.208)	(510.783.998)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(11)	(17)

7. THÔNG TIN KHÁC**7.01 Giao dịch với số dư các bên liên quan**

Trong kỳ Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư với các bên liên quan.

7.02 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Nguyễn Thu Huyền

Nguyễn Thu Huyền

Nguyễn Công Cường